

Số: 02 /2021/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định mật độ chăn nuôi  
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;  
Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của  
Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ  
trình số 4836/TTr-SNN ngày 24 tháng 12 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18...tháng 01 năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

03KT\_V\_NAM\_QDUB

10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH,**



**Trần Văn Chiến**



**QUY ĐỊNH**

**Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 02 /2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 3. Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh**

1. Mật độ chăn nuôi trên toàn tỉnh năm 2021 là 0,71 ĐVN (đơn vị vật nuôi)/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 không vượt quá 1,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

2. Mật độ chăn nuôi của các huyện, thị xã, thành phố (không quy định mật độ chăn nuôi cấp xã) quy định như sau:

a) Thành phố Tây Ninh: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,26 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 0,40 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

b) Thị xã Hòa Thành: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,39 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 0,50 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

c) Thị xã Trảng Bàng: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 1,08 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 1,50 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

d) Huyện Châu Thành: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,91 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 1,50 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

đ) Huyện Dương Minh Châu: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,97 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 1,50 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

e) Huyện Tân Châu: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,65 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 1,80 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

g) Huyện Tân Biên: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,53 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 1,50 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

h) Huyện Gò Dầu: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,41 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 1,00 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

i) Huyện Bến Cầu: mật độ chăn nuôi năm 2021 là 0,93 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi đến năm 2030 không vượt quá 1,50 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

3. Tại địa bàn cấp huyện có mật độ chăn nuôi đã đạt tới quy định thì chỉ cho đầu tư đối với những dự án chăn nuôi phù hợp chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi và môi trường sinh thái nhưng phải đảm bảo mật độ chăn nuôi trên toàn tỉnh không vượt quá 1,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ngành**

##### 1. Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, quản lý mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đảm bảo không vượt quá quy định.

##### 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh đảm bảo mật độ chăn nuôi đúng quy định.

##### 3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định về đất đai và môi trường đối với các cá nhân, tổ chức hoạt động chăn nuôi.

b) Chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng đất để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố**

1. Căn cứ quy định mật độ chăn nuôi của UBND tỉnh quản lý mật độ chăn nuôi của địa phương.

2. Kiểm tra, rà soát, báo cáo và đề xuất điều chỉnh mật độ chăn nuôi trên địa bàn phù hợp với mật độ chăn nuôi theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho hoạt động chăn nuôi trên địa bàn theo mật độ chăn nuôi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh**

1. Kế khai hoạt động chăn nuôi với UBND cấp xã theo quy định.
2. Chăn nuôi phải đáp ứng quy định về mật độ chăn nuôi, quy mô chăn nuôi theo các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.